

KẾ HOẠCH
Phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2025,
định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045;

Căn cứ Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1368/QĐ-BNN-CN ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045;

Theo đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển tại Văn bản số 4931/SNN-CNTY ngày 13 tháng 10 năm 2021; Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Kế hoạch phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Phát triển chăn nuôi bền vững theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với chuỗi giá trị, thích ứng với biến đổi khí hậu, thân thiện với môi trường; bảo đảm toàn sinh học, dịch bệnh và an toàn thực phẩm (ATTP); nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và giá trị gia tăng trên cơ sở ứng dụng các khoa học, công nghệ trong sản xuất.

2. Tập trung phát triển những loại vật nuôi chủ lực của tỉnh (heo, gà); đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động trong chăn nuôi, phát triển chăn nuôi đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển chăn nuôi là ngành kinh tế chính trong cơ cấu ngành nông nghiệp, với sản phẩm chủ lực là heo và gà; chăn nuôi theo hướng trang trại quy mô lớn gắn với ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ cao để nâng cao giá trị gia tăng và đảm bảo công tác bảo vệ môi trường. Tổ chức sản xuất chăn nuôi gắn với tiêu thụ sản phẩm, kiểm soát tốt chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc; khuyến khích phát triển các mô hình chăn nuôi theo hướng hữu cơ, chăn nuôi tuần hoàn. Nâng cao năng lực vận chuyển, giết mổ tập trung theo hướng hiện đại, bền

vững. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến và chế biến sâu sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng sản phẩm chăn nuôi.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2025

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất chăn nuôi bình quân giai đoạn 2021 - 2025 từ 4,0 đến 5%/năm; tốc độ tăng giá trị gia tăng bình quân từ 3,5 đến 4,5%.

- Chuyển đổi cơ cấu đàn vật nuôi, hướng tới giảm tỷ trọng đàn heo xuống còn khoảng 40%, tăng tỷ trọng đàn gia cầm lên 52%, gia súc ăn cỏ lên 3%. Đến năm 2025, tổng đàn heo là 2,5 triệu con, sản lượng thịt xẻ đạt 364.000 tấn; đàn gia cầm (gà, vịt) duy trì ở quy mô 24 -27 triệu con (trong đó: Đàn gà khoảng 22 - 25 triệu con), sản lượng thịt xẻ đạt 160.000 tấn (trong đó: thịt gà là 138.000 tấn), sản lượng trứng đạt 1.415.000 ngàn quả. Sản lượng thịt xẻ các loại đến năm 2025 đạt 526.800 tấn, trong đó: thịt heo chiếm khoảng 69%; thịt gia cầm chiếm khoảng 30%; thịt trâu, bò chiếm khoảng 1%.

- Tối thiểu 65% sản lượng sản phẩm chăn nuôi được tiêu thụ dưới hình thức liên kết; tỷ lệ giá trị sản phẩm được sản xuất theo các quy trình sản xuất tốt (GAP) hoặc tương đương trên 30%; tỷ lệ giá trị sản phẩm chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao đạt trên 65%.

- Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm có hệ thống xử lý chất thải, nước thải đạt tiêu chuẩn theo đúng quy định đạt 97%; 100% trang trại chăn nuôi đạt điều kiện vệ sinh thú y.

- Tỷ trọng gia súc, gia cầm được giết mổ tập trung công nghiệp đạt tương ứng khoảng 70% và 90%; tỷ trọng thịt gia súc, gia cầm được chế biến so với tổng sản lượng thịt từ 25% đến 30%.

- Duy trì 7 vùng an toàn dịch bệnh đối với bệnh Cúm gia cầm và Newcastle trên đàn gia cầm đã được chứng nhận; xây dựng vùng an toàn dịch bệnh đạt chuẩn OIE đối với bệnh Cúm gia cầm, Newcastle trên đàn gia cầm tại các huyện Vĩnh Cửu, Trảng Bom và Thống Nhất.

- Hoàn chỉnh cơ sở dữ liệu về chăn nuôi, thú y của tỉnh để tham gia vào chương trình chuyển đổi số.

- Trước ngày 01/01/2025, 100 % cơ sở chăn nuôi nằm trong khu vực không được phép chăn nuôi phải ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc di dời đến địa điểm phù hợp theo quy định.

b) Định hướng đến năm 2030

- Phát triển chăn nuôi heo theo hướng trang trại công nghiệp, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ cao trong sản xuất và đẩy mạnh chăn nuôi theo hướng hữu cơ, chăn nuôi tuần hoàn. Tổng đàn heo có mặt thường xuyên ở quy mô 2,5 triệu con, trong đó đàn heo nái khoảng 250.000 con; duy trì đàn gia cầm ở quy mô từ 24-27 triệu con.

- Chuyển đổi số dữ liệu về chăn nuôi, thú y để thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm, chia sẻ, kết nối tiêu thụ, lưu trữ và tìm kiếm thông tin dễ dàng hơn.

- Nâng cao năng lực kiểm soát dịch bệnh trên gia súc, gia cầm, đặc biệt là các dịch bệnh nguy hiểm ảnh hưởng đến đàn vật nuôi và các dịch bệnh có nguy cơ lây sang người, bảo đảm an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao trong nước và xuất khẩu.

- Khuyến khích phát triển mạnh công nghiệp sản xuất nguyên liệu, thức ăn bổ sung, nhất là công nghệ sinh học nhằm đáp ứng đủ các chế phẩm sinh học thay thế cho kháng sinh, hóa chất dùng trong chăn nuôi.

- Nâng cao năng lực vận chuyển, giết mổ tập trung theo hướng hiện đại, bền vững; đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến và chế biến sâu sản phẩm chăn nuôi. Tỷ trọng thịt gia súc, gia cầm được giết mổ tập trung công nghiệp đạt 100%.

- Nâng cao năng lực kiểm soát chất lượng vật tư và an toàn thực phẩm sản phẩm chăn nuôi; thực hiện kiểm soát chất lượng an toàn thực phẩm theo chuỗi.

- Đảm bảo 100% cơ sở chăn nuôi, giết mổ, chế biến sản phẩm chăn nuôi đều phải có giải pháp kiểm soát môi trường phù hợp, bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường và sử dụng có hiệu quả nguồn chất thải cho nhu cầu trồng trọt, sản xuất năng lượng tái tạo, chăn nuôi côn trùng.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền, phổ biến, triển khai các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực chăn nuôi, thú y; các cơ chế, chính sách phát triển chăn nuôi

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực chăn nuôi, thú y, chiến lược phát triển chăn nuôi; các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi, nhất là quy định về vùng cấm chăn nuôi, điều kiện chăn nuôi, khai báo chăn nuôi,...

b) Tập huấn nâng cao trình độ, năng lực cho người dân để sản xuất theo hướng hàng hóa, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đáp ứng được yêu cầu của thị trường.

2. Tổ chức quản lý sản xuất chăn nuôi

a) Tổ chức, xây dựng, quản lý sản xuất chăn nuôi theo quy hoạch, kế hoạch và tuân thủ các quy định về chăn nuôi; thực hiện di dời các cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi theo đúng lộ trình.

b) Phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại quy mô lớn, gắn với việc từng bước hiện đại hạ tầng phát triển chăn nuôi. Ưu tiên các dự án đầu tư theo trang trại quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao trong xử lý chất thải; các dự án sản xuất giống, nuôi gia cầm đẻ trứng, các loại vật nuôi khác (trâu, bò, dê, ong, chim yến) ít chịu ảnh hưởng bởi nguồn thức ăn nhập khẩu, có thể tận dụng nguồn thức ăn xanh và phụ phẩm của nông lâm thủy sản sẵn có trên địa bàn; các dự án đầu tư gắn với sơ chế, chế biến sản phẩm.

c) Chuyển dịch cơ cấu các đối tượng vật nuôi, các vùng chăn nuôi trên cơ sở đảm bảo quy định của Luật Chăn nuôi và mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh. Định hướng như sau:

- Ổn định tổng đàn vật nuôi hiện có tại các huyện: Xuân Lộc, Cẩm Mỹ do

mật độ chăn nuôi hiện nay tương đối cao; đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại quy mô lớn, ứng dụng tiên bộ kỹ thuật, công nghệ cao vào sản xuất, giảm dần chăn nuôi nông hộ.

- Giảm dần quy mô đàn gia súc, gia cầm tại các huyện: Long Thành, Nhơn Trạch, Thống Nhất, Trảng Bom và thành phố Long Khánh do các địa phương có tốc độ đô thị hóa nhanh, diện tích đất nông nghiệp không còn nhiều và để ưu tiên cho phát triển các lĩnh vực khác.

- Ưu tiên phát triển đàn gia súc, gia cầm theo hướng trang trại và liên kết bền vững tại các huyện có mật độ chăn nuôi còn thấp như: Định Quán, Tân Phú, Vĩnh Cửu, nơi có lợi thế nhất định về điều kiện đất đai, thổ nhưỡng, phát triển vùng nguyên liệu.

- Phát triển nuôi chim yến tại một số địa phương có điều kiện phù hợp để chim yến sinh sống và đảm bảo quy định của tỉnh về vùng cấm nuôi chim yến như: Định Quán, Tân Phú, Vĩnh Cửu, Cẩm Mỹ, Xuân Lộc.

- Ngưng chăn nuôi tại các khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định tại Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

d) Sử dụng các giống cao sản, các giống có năng suất, chất lượng cao; sản xuất chăn nuôi theo quy trình VietGAHP, an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học; đẩy mạnh hợp tác, liên kết trong sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm để quản lý và truy xuất nguồn gốc sản phẩm; mở rộng quy mô các chuỗi liên kết hiện có.

đ) Thực hiện chuyển đổi số toàn diện trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y.

e) Xây dựng và phát triển các tổ hợp tác, hợp tác xã hoạt động có hiệu quả, tổ chức sản xuất và kinh doanh đáp ứng với yêu cầu thị trường tiêu thụ.

g) Sắp xếp giết mổ theo mạng lưới cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; di dời, xóa bỏ các cơ sở giết mổ không phép, không phù hợp quy định. Áp dụng quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm đối với các cơ sở giết mổ, sơ chế, chế biến sản phẩm chăn nuôi. Khuyến khích phát triển công nghiệp chế biến, chế biến sâu các sản phẩm chăn nuôi nhằm đa dạng hóa và nâng cao giá trị sản phẩm chăn nuôi phù hợp với nhu cầu thị trường tiêu thụ.

h) Xã hội hóa các dịch vụ công về chăn nuôi, thú y để mọi thành phần kinh tế có đủ điều kiện tham gia nhằm công khai minh bạch các hoạt động quản lý, giảm áp lực về biên chế, ngân sách nhà nước, cung cấp cho người dân chất lượng dịch vụ tốt.

3. Đẩy mạnh việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật thực hiện chăn nuôi an toàn sinh học nhằm phòng, chống và kiểm soát tốt dịch bệnh, môi trường chăn nuôi

a) Tăng cường thực hiện công tác phòng, chống dịch đi đôi với phát triển chăn nuôi an toàn sinh học thông qua việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất tốt (VietGAHP), an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học trong sản xuất nhằm phát triển đàn vật nuôi, bảo đảm an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường trong chăn nuôi; nâng

cao tỷ lệ tiêm phòng các bệnh bắt buộc, đặc biệt đối với chăn nuôi nông hộ (chăn nuôi nhỏ lẻ).

b) Tiếp tục duy trì các vùng an toàn dịch bệnh đã được chứng nhận; xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh đối với các bệnh Cúm gia cầm, Lở mồm long móng, Dịch tả heo Châu Phi.

c) Kiểm soát chặt chẽ động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra, vào địa bàn tỉnh, tại cơ sở giết mổ và tiêu thụ nội tỉnh.

d) Tăng cường công tác kiểm soát môi trường trong chăn nuôi, nâng cao hiệu quả xử lý chất thải trong chăn nuôi. Đẩy mạnh ứng dụng các loại công nghệ xử lý chất thải chăn nuôi gắn với sản xuất phân bón hữu cơ, sản xuất năng lượng tái tạo và chăn nuôi côn trùng,...; khuyến khích đầu tư chất thải chăn nuôi tạo nguồn phân bón hữu cơ phục vụ trồng trọt.

đ) Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ thông tin, công nghệ cao về xây dựng hệ thống chuồng trại, hệ thống cho ăn, nước uống tự động, giống tiến bộ kỹ thuật, chế phẩm sinh học, vắc xin phòng bệnh, chế biến sản phẩm... trong sản xuất chăn nuôi; ứng dụng các bộ sinh phẩm (KIT) để kiểm tra dư lượng kháng sinh, chất cấm trong thực phẩm có nguồn gốc động vật.

4. Phát triển thị trường sản phẩm chăn nuôi

a) Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức của tổ chức, cá nhân về đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi. Hỗ trợ các hoạt động xúc tiến thương mại cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm chăn nuôi trên sàn giao dịch thương mại điện tử của tỉnh và các sàn thương mại điện tử liên quan.

b) Khuyến khích, hỗ trợ hình thành và phát triển các doanh nghiệp đủ lực dẫn dắt, định hướng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo yêu cầu thị trường.

c) Hỗ trợ các cơ sở sản xuất chăn nuôi đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm trên các sàn thương mại điện tử (TMĐT) nhằm thúc đẩy tiêu thụ nhanh, góp phần tránh ứ ứ sản phẩm, giảm phụ thuộc vào thương lái, trung gian; thông qua các sàn thương mại điện tử và nền tảng số cung cấp thông tin hữu ích cho người chăn nuôi như thông tin về thị trường, dịch bệnh, dự báo nhu cầu và năng lực sản xuất, ... để người dân có kế hoạch sản xuất hợp lý.

d) Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, xây dựng thương hiệu sản phẩm để từng bước mở rộng thị trường trong nước và ngoài nước; đầu tư hoàn thành và đưa vào hoạt động chợ đầu mối nông sản thực phẩm Dầu Giây giai đoạn 2 (48 ha) để xây dựng kênh phân phối, kho bảo quản cấp đông, kho trung chuyển; đồng thời xây dựng các kênh phân phối bền vững thông qua chợ an toàn thực phẩm, cửa hàng tiện lợi, hệ thống siêu thị, giữ vững thị trường trong tỉnh, mở rộng thị trường tiêu thụ có tiềm năng, nhất là thị trường thành phố Hồ Chí Minh; đẩy mạnh xuất khẩu đối với sản phẩm chăn nuôi có lợi thế cạnh tranh của tỉnh, đặc biệt là sản phẩm thịt gà chế biến xuất khẩu sang Nhật Bản.

đ) Tiếp tục nhân rộng mô hình các chuỗi cung ứng sản phẩm từ sản xuất - phân phối - tiêu dùng gắn với quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm.

5. Tăng cường năng lực quản lý nhà nước ngành chăn nuôi, thú y

a) Tăng cường năng lực quản lý nhà nước ngành chăn nuôi, thú y thông qua kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, phù hợp với xu thế phát triển và hội nhập.

b) Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn về chẩn đoán, xét nghiệm, dịch tễ, phòng, chống dịch bệnh động vật, kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, quản lý an toàn thực phẩm đối với động vật và sản phẩm có nguồn gốc động vật.

c) Trang bị máy móc, thiết bị phục vụ cho công tác chẩn đoán xét nghiệm để nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm.

d) Xã hội hóa các dịch vụ công về chăn nuôi, thú y để mọi thành phần kinh tế có đủ điều kiện có thể tham gia nhằm công khai, minh bạch các hoạt động quản lý, giám sát về biên chế, ngân sách nhà nước và cung cấp cho người dân chất lượng dịch vụ tốt nhất.

6. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách và các kế hoạch, chương trình, dự án, đề án thực hiện Chiến lược phát triển chăn nuôi

a) Triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án đã được phê duyệt, gồm:

- Kế hoạch số 3310/KH-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phòng, chống bệnh Cúm gia cầm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, giai đoạn 2020 - 2025;

- Dự án “Quản lý trang trại chăn nuôi gia súc gia cầm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025” đã được phê duyệt tại Quyết định số 3866/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Dự án “Truy xuất nguồn gốc thực phẩm thiết yếu có nguồn gốc động vật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025” đã được phê duyệt tại Quyết định số 4238/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Kế hoạch số 4153/KH-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phòng, chống bệnh Dịch tả heo Châu Phi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, giai đoạn 2021 - 2025;

- Kế hoạch số 4154/KH-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phòng, chống bệnh Lở mồm long móng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 4162/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2020-2030;

- Quyết định số 653/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt mạng lưới cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 10318/KH-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 1034/QĐ-BTTTT ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt kế hoạch hỗ trợ đưa sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn;

- Đề án “Đẩy mạnh cơ giới hóa giảm tổn thất trong nông nghiệp đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 tạo động lực tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai” được phê duyệt tại Quyết định số 4406/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Chương phát triển nông nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 2867/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Kế hoạch số 11444/KH-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Dự án nâng cao chất lượng đàn bò, đàn dê trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2030;

- Triển khai có hiệu quả các chính sách góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất chăn nuôi trên địa bàn, gồm:

+ Chính sách hỗ trợ tiêm phòng miễn phí cho đàn gia súc, gia cầm của các hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số theo Văn bản số 653/UBND-CNN ngày 24 tháng 01 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chính sách cấp bách cho công tác phòng, chống dịch cúm gia súc, gia cầm;

+ Chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ (Tập trung hỗ trợ các chính sách về môi trường, khoa học công nghệ, chế biến);

+ Chính sách hỗ trợ về khuyến nông theo Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

+ Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo Nghị quyết số 143/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

+ Chính sách hỗ trợ cho các cơ sở chăn nuôi khi di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Xây dựng, triển khai thực hiện các cơ chế chính sách và các kế hoạch, chương trình, dự án, đề án:

- Tiếp tục rà soát, xây dựng các cơ chế chính sách nhằm hỗ trợ phát triển chăn nuôi theo đúng định hướng và đạt được các mục tiêu, nội dung Kế hoạch.

- Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021 -2025;

- Chương trình hỗ trợ áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) trong chăn nuôi giai đoạn 2021-2025;

- Đề án phát triển công nghiệp chuồng trại và xử lý chất thải chăn nuôi giai đoạn 2021-2030;
- Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2021 - 2030;
- Kế hoạch thực hiện Đề án “Tăng cường năng lực hệ thống cơ quan quản lý chuyên ngành thú y các cấp, giai đoạn 2021 - 2030”.
- Dự án Ứng dụng công nghệ thông tin để xây dựng cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.
- Rà soát, bổ sung các chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi gắn với chế biến sâu, gia tăng giá trị ngành hàng thông qua đa dạng sản phẩm từ phụ phẩm ngành chăn nuôi.

7. Nguồn vốn thực hiện

a) Nguồn vốn thực hiện

- Nguồn ngân sách nhà nước cấp theo quy định.
- Lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu, chương trình, kế hoạch, dự án khác.
- Tổ chức, cá nhân đầu tư và các nguồn vốn huy động khác.

Ngân sách nhà nước ưu tiên đầu tư cho phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật các vùng chăn nuôi; xây dựng các chương trình, dự án, mô hình ứng dụng công nghệ cao, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; nâng cao năng lực quản lý ngành chăn nuôi, thú y; kiểm soát dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm; bảo tồn và phát triển nguồn gen giống vật nuôi quý, nguồn gen bản địa; dự trữ sản phẩm chăn nuôi thiết yếu phù hợp với từng thời kỳ.

b) Kinh phí thực hiện

Dự toán kinh phí: 102.613.300.000 (Một trăm lẻ hai tỷ, sáu trăm mười ba triệu, ba trăm ngàn đồng), trong đó:

- Ngân sách tỉnh: 92.001.030.000 đồng.
- Ngân sách huyện: 10.612.270.000 đồng.

(Dự toán kinh phí thực hiện theo phụ lục đính kèm)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện kế hoạch này;
- b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng các đề án, dự án, chương trình, kế hoạch có liên quan; đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.
- c) Chủ trì, phối hợp các địa phương xác định mật độ chăn nuôi theo định kỳ hàng quý, làm cơ sở đề xuất trong việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.

d) Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch Phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030; định kỳ hàng năm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kết quả thực hiện.

2. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương triển khai các chương trình, đề án xúc tiến thương mại, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi của tỉnh.

b) Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan thực hiện tốt thông tin, dự báo thị trường tiêu thụ. Triển khai các giải pháp kết nối mở rộng thị trường và kênh phân phối cho sản phẩm chăn nuôi của tỉnh, đặc biệt đối với sản phẩm chủ lực là heo, gà.

3. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện hỗ trợ đưa sản xuất chăn nuôi lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy chuyển đổi số và phát triển kinh tế số.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý hiệu quả các đề xuất, đặt hàng đề tài, dự án khoa học công nghệ trong lĩnh vực chăn nuôi.

b) Hướng dẫn, hỗ trợ xây dựng và đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với sản phẩm chăn nuôi.

5. Sở Xây dựng

Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về xây dựng chuồng trại chăn nuôi, nhà nuôi chim yến.

6. Sở Tài chính

Tùy vào tình hình cân đối ngân sách hàng năm, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí để triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nội dung Kế hoạch.

7. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ; thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trương đầu tư đối với các dự án chăn nuôi phù hợp theo quy định pháp luật.

b) Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan ban hành tiêu chí, danh mục các dự án chăn nuôi ưu tiên đầu tư.

8. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội

Thực hiện lồng ghép vào trong Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2021- 2025, chuyển đổi nghề cho người chăn nuôi, đặc biệt đối với các cơ sở chăn nuôi di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

9. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn các địa phương lập phương án, kế hoạch sử dụng đất, bố trí quỹ đất cho phát triển chăn nuôi và chính sách về đất đai hỗ trợ phát triển chăn nuôi, xây dựng cơ sở giết mổ, sơ chế, chế biến sản phẩm chăn nuôi và kiểm soát chặt chẽ công tác bảo vệ môi trường trong chăn nuôi.

10. Công an tỉnh

Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan trong công tác kiểm tra, phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp sử dụng chất cấm trong chăn nuôi, các trang trại gây ô nhiễm môi trường trong quá trình hoạt động chăn nuôi, bơm nước vào động vật trước khi giết mổ,...

11. Cục Quản lý thị trường

Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan kiểm tra, phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vận chuyển, giết mổ, mua bán động vật, sản phẩm động vật không có kiểm dịch của cơ quan thú y.

12. Cục Thống kê tỉnh

Cung cấp thông tin, hỗ trợ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tính toán, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí do đơn vị phụ trách.

13. Các sở, ngành, đơn vị liên quan khác và nhiệm vụ chung của các sở, ngành

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, phối hợp các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo thực hiện Kế hoạch Phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

b) Ngoài các nhiệm vụ cụ thể đã phân công trên, các sở, ngành liên quan có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch Phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030.

c) Hàng năm, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo chế độ báo cáo thông tin để Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

14. Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh

a) Chỉ đạo các tổ chức tín dụng triển khai kịp thời các chính sách tín dụng liên quan đến hoạt động chăn nuôi theo chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền.

b) Phối hợp các sở, ngành đề xuất các chính sách tín dụng hỗ trợ phát triển chăn nuôi theo chỉ đạo của địa phương (nếu có) để thực hiện có hiệu quả nội dung Kế hoạch.

15. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể

Tích cực phối hợp các ngành chức năng và địa phương tổ chức tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, người chăn nuôi thực hiện tốt quy định cấm chăn nuôi trong khu vực nội thành, nội thị, khu dân cư và khai báo tổng đàn vật nuôi và dịch bệnh trên phần mềm quản chăn nuôi theo quy định.

16. Báo Đồng Nai, Đài Phát thanh – Truyền hình Đồng Nai

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung Kế hoạch phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai với nhiều hình thức đến người dân và các thành phần kinh tế trên địa bàn; xây dựng các chuyên đề, tọa đàm... về nội dung này hàng năm.

17. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực chăn nuôi, thú y, chiến lược phát triển chăn nuôi; các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi.

c) Thực hiện nghiêm việc kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định.

d) Tiếp tục thực hiện tốt các giải pháp phòng, chống bệnh cho đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn.

đ) Tổ chức sản xuất theo hình thức hợp tác, liên kết trong sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm; sản xuất chăn nuôi theo quy trình VietGAHP, an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học, đảm bảo an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường trong chăn nuôi; tăng cường chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật cho người chăn nuôi.

e) Tuyên truyền, vận động các cơ sở chăn nuôi, giết mổ, sơ chế, chế biến, kinh doanh thực phẩm chủ động liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo hợp đồng.

g) Tập trung xây dựng các cơ sở giết mổ theo mạng lưới được duyệt, đảm bảo lộ trình.

h) Thực hiện di dời các cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi. Xử lý nghiêm các cơ sở không ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc không di dời theo quy định.

i) Triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi trên địa bàn.

V. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan thực hiện chế độ báo cáo định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được phân công, những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị đề xuất về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan đầu mối, theo dõi, đôn đốc các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan trong quá trình thực hiện và tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện đề án theo định kỳ hàng năm.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, yêu cầu các cơ quan, đơn vị báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực: TU, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

(Khoa/805.KHptcn)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi



DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI TRÊN BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

GIẢI ĐOẠN 2021-2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

Phụ lục

(Kèm theo Kế hoạch số 56/KH-UBND ngày 15 tháng 1 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Stt	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (triệu đồng)	Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Chi chú
1	Dự án quản lý trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025	Dự án	1	3.437,11	3.437,11	3.437,11		Đã được phê duyệt tại Quyết định số 3866/QĐ-UBND ngày ngày 21/10/2020 của UBND tỉnh
2	Dự án truy xuất nguồn gốc thực phẩm thiết yếu có nguồn gốc động vật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, giai đoạn 2020 – 2025.	Dự án	1	11.953,89	11.953,89	11.953,89		Đã được phê duyệt tại Quyết định số 4238/QĐ-UBND ngày 10/11/2020 của UBND tỉnh
3	Kế hoạch phòng, chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, giai đoạn 2021 – 2025	Kế hoạch	1	10.781,51	10.781,51	10.781,51		Đã được phê duyệt tại Kế hoạch số 4153/KH-UBND ngày 20/4/2021 của UBND tỉnh
4	Kế hoạch phòng, chống bệnh Lở mồm long móng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, giai đoạn 2021 – 2025	Kế hoạch	1	6.988,81	6.988,807	4.876,54	2.112,267	Đã được phê duyệt tại Kế hoạch số 4154/KH-UBND ngày 20/4/2021 của UBND tỉnh
5	Chương trình chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) trong chăn nuôi giai đoạn 2021-2025	Chương trình	1	9.451,98	9.451,98	951,98	8.500,00	Đã được phê duyệt tại Quyết định số 2867/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của UBND tỉnh
6	Chương trình phát triển, sản xuất giống vật nuôi phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2030	Chương trình	1	10.000,00	10.000,00	10.000,00		
7	Dự án nâng cao chất lượng đàn bò, đàn dê trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2030	Dự án	1	-	30.000,00	30.000,00		
8	Đề án phát triển nông nghiệp chuồng trại và xử lý chất thải chăn nuôi giai đoạn 2021-2030	Đề án	1		20.000,00	20.000,00		
TỔNG CỘNG					102.613,30	92.001,03	10.612,27	